|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **2630**/QĐ-BCT | *Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2025* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng và phương thức giao thực hiện nhiệm vụ trong Kế hoạch năm 2026**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

*Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Quyết định số 1403/QĐ-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ bắt đầu thực hiện trong giai đoạn 2025-2026 (lần 1);*

*Căn cứ Quyết định số 2332/QĐ-BCT ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ bắt đầu thực hiện trong năm 2026 (lần 2);*

*Xét đề nghị của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.*

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng và phương thức thực hiện nhiệm vụ bắt đầu năm 2026 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Giao Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thông báo, hướng dẫn các đơn vị xây dựng hồ sơ, tổ chức tuyển chọn chù trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này theo quy định hiện hành.

**Điều 3**. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4**. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp; Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công và các đơn vị, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 4;  - Bộ trưởng (để báo cáo);  - Lưu VT, ĐCKDieuDX. | KT. BỘ TRƯỞNGTHỨ TRƯỞNG (đã ký)   Nguyễn Sinh Nhật Tân |

# PHỤ LỤC

# DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẶT HÀNG

# VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

# *(Kèm theo Quyết định số 2630 /QĐ-BCT ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

| **TT** | **Tên nhiệm vụ đặt hàng** | **Thuộc  phân ngành, lĩnh vực** | **Định hướng mục tiêu** | **Yêu cầu đối với kết quả** | **Phương thức giao thực hiện** | **Loại hình nhiệm vụ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Nghiên cứu chiết tách, thu nhận cao chiết giàu hoạt chất sinh học từ nguồn dược liệu trong nước và tạo được các chế phẩm có khả năng ức chế nọc độc của rắn | Thực phẩm | Xây dựng được quy trình chiết tách, thu nhận cao chiết giàu nhóm hoạt chất sinh học (flavonoids, alkaloid, polyphenol, terpenoid) và tạo được các chế phẩm có khả năng ức chế nọc độc của rắn từ nguồn dược liệu trong nước. | **Dạng I:** 01 bài báo quốc tế; 02 bài báo trong nước.  **Dạng II:**  - Bộ cơ sở dữ liệu, báo cáo đánh giá:  + Bộ cơ sở dữ liệu về một số hoạt chất từ nguồn dược liệu trong nước có tác dụng ức chế nọc độc rắn (định danh được tên dược liệu, nhóm hoạt chất chính có trong dược liệu, khả năng phát triển vùng dược liệu,...).  + Báo cáo đánh gía khả năng ức chế độc thần kinh và độc tế bào của cao chiết dược liệu và chế phẩm, hiệu quả ức chế nọc độc của rắn khi thử nghiệm trên động vật thực nghiệm.  - Quy trình công nghệ:  + Quy trình công nghệ chiết tách, thu nhận cao chiết giàu các nhóm hoạt chất (flavonoids, alkaloid, polyphenol, terpenoid) từ nguồn dược liệu nước có tác dụng ức chế nọc độc rắn, quy mô 5-10kg nguyên liệu/mẻ.  + Quy trình công nghệ bào chế sản phẩm có hoạt tính ức chế nọc độc của rắn từ dược liệu trong nước, quy mô 3-5kg/mẻ.  - Tiêu chuẩn cơ sở của các sản phẩm: cao chiết dược liệu; chế phẩm ức chế nọc độc rắn dạng miếng dán; chế phẩm ức chế nọc độc rắn dạng viên uống.  **Dạng III:**  - Cao chiết dược liệu: 2-3 loại cao chiết; 1 kg/loại, dạng paste, tổng hàm lượng các hoạt chất (thuộc nhóm flavonoid, alkaloid, polyphenol, terpenoid có tác dụng ức chế độc thần kinh và độc tế bào do nọc độc rắn) trong một loại cao chiết ≥ 20%.  - Chế phẩm ức chế nọc rắn:  + Miếng dán: 200 miếng, kích thước 3cmx3cm; màu sắc đồng nhất, không nấm mốc; có mùi thơm đặc trưng của dược liệu; miếng dán mềm, bám dính tốt, không rách vụn; tổng hàm lượng các hoạt chất chính ≥ 15% w/w (tính trên trọng lượng miếng dán). Các chỉ tiêu khác đáp ứng yêu cầu của miếng dán cho vết thương ngoài da (độ bám dính, kích ứng da, độc tính cấp qua da, hạn sử dụng,...).  **+** Viên uống: Dạng bào chế: Viên nang mềm 500 mg; Số lượng: 1000 viên; Tổng hàm lượng các hoạt chất chính ≥ 200 mg; tá dược và các thành phần khác vừa đủ 1 viên nang mềm 500 mg. Các chỉ tiêu khác đáp ứng yêu cầu của thuốc dạng viên uống (độ rã, độ hoà tan, độc tính cấp qua đường uống, giới hạn vi sinh vật, hạn sử dụng,...).  **Dạng IV:** 01 Giải pháp hữu ích/Bằng độc quyền sáng chế được chấp nhận đơn hợp lệ. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu phát triển sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏa hỗ trợ tim mạch và chuyển hóa từ vi sinh vật probiotic bản địa, postbiotic và các hoạt chất sinh học từ thảo dược Việt Nam | Thực phẩm | Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện quy trình công nghệ tạo sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe an toàn và hiệu quả, có khả năng hỗ trợ tim mạch và chuyển hóa bằng kết hợp probiotic, postbiotic và các hoạt chất sinh học từ thảo dược Việt Nam. | **Dạng I:** 02 Bài báo trong nước được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học uy tín.  **Dạng II:**  - Danh mục các chủng vi sinh vật probiotic bản địa đã được phân lập, định danh và sàng lọc.  - Danh mục các loại thảo dược tiềm năng và các phương pháp tách chiết đã thực hiện.  - Báo cáo đánh giá hiệu quả và độ an toàn của sản phẩm hỗ trợ sức khoẻ tim mạch và chuyển hoá của probiotics kết hợp thảo dược.  - Báo cáo đánh giá hiệu quả và độ an toàn của sản phẩm hỗ trợ sức khoẻ tim mạch và chuyển hoá của postbiotics kết hợp thảo dược.  - Quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm probiotic từ vi sinh vật bản địa, quy mô 100L/mẻ.  - Quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm postbiotic từ vi sinh vật bản địa, quy mô 100L/mẻ.  - Quy trình tách chiết và thu nhận cao dược liệu, 10 kg dược liệu/mẻ.  - Quy trình sản xuất/bào chế sản phẩm probiotic kết hợp thảo dược, 5 kg/mẻ.  - Quy trình sản xuất/bào chế sản phẩm postbiotic kết hợp thảo dược, 5 kg/mẻ.  - Tiêu chuẩn cơ sở: Chế phẩm probiotic bản địa; chế phẩm postbiotic bản địa; cao dược liệu; sản phẩm kết hợp probiotic và hoạt chất thảo dược; sản phẩm kết hợp posbiotic và hoạt chất thảo dược.  **Dạng III:**  - 04 chủng bản địa được định danh đến loài, an toàn sinh học.  - Chế phẩm probiotic bản địa: 3 kg (dạng bột) có mật độ tế bào ≥**1×109 CFU/g.**  - Chế phẩm postbiotic 3 kg (dạng bột) (acid lactic, protein/peptide hoặc EPS) ≥ 2 mg/g.  - Cao chiết dược liệu 3 kg: có tổng chất hoạt chất 3 nhóm ≥ 7 % (Saponin ≥ 4%, Polyphenol ≥ 3%, Flavonoid ≥ 0,2 %).  - Sản phẩm probiotic bản địa kết hợp hoạt chất thảo dược hỗ trợ sức khoẻ tim mạch và chuyển hoá: 10.000 viên nang 500 mg/viên chứa ≥1×109 CFU/g, lương hoạt chất thảo dược ≥ 200 mg, tá dược vừa đủ.  - Chế phẩm postbiotic bản địa kết hợp hoạt chất thảo dược, hỗ trợ sức khoẻ tim mạch và chuyển hoá 10.000 viên nang 750 mg/viên chứa postbiotic (acid lactic, protein/peptide hoặc EPS) ≥ 2 mg/g, lương hoạt chất thảo dược ≥ 350 mg, tá dược vừa đủ.  **Dạng IV:** 1 Giải pháp hữu ích hoặc Bằng độc quyền sáng chế được chấp nhận đơn hợp lệ. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu sản xuất hyaluronic acid từ vi khuẩn lactic nhằm ứng dụng trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ khớp | Thực phẩm | Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất hyaluronic acid (HA) sinh học từ các chủng vi khuẩn lactic bản địa và ứng dụng trong phát triển thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ khớp. | **Dạng I:**  - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế danh mục SCIE/scopus được chấp nhận đăng và có cảm ơn mã số nhiệm vụ.  - 02 bài báo trong nước(tạp chí chuyên ngành/hội nghị có phản biện).  **Dạng II:**  **-** Quy trình công nghệ sản xuất HA từ các chủng vi khuẩn lactic bản địa, quy mô 200 L/mẻ, đạt năng suất ≥ 200 mg/L;  - Quy trình tách chiết và tinh sạch HA từ sinh khối các chủng vi khuẩn lactic bản địa, quy mô 10 lít/mẻ, hiệu suất tách chiết ≥ 80%.  - Tiêu chuẩn cơ sở của sản phẩm HA thực phẩm bảo vệ sức khỏe dạng viên nang/dạng gói.  - Giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố phù hợp quy định an toàn theo quy định hiện hành về các nguyên liệu thực phẩm bảo vệ sức khỏe.  **Dạng III:**  - Bộ chủng giống vi sinh vật: 03 chủng vi khuẩn lactic bản địa có khả năng sinh tổng hợp Hyaluronic Acid (HA) cao (đạt năng suất ≥ 200 mg/L), đã được định danh và lưu giữ an toàn.  - 3 kg nguyên liệu HA sinh học tinh sạch, độ tinh khiết ≥ 80%, trọng lượng phân tử từ 100 - 300 kDa.  - 20.000 viên nang/gói bột hòa tan chứa hyaluronic acid (HA) chứa 150 mg HA/viên (có trọng lượng phân tử 100 - 300 kDa, độ tinh sạch ≥ 80%.  **Dạng IV:** 01GPHI/Sáng chế được chấp nhận đơn hợp lệ. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu phát triển và ứng dụng enzym biến đổi cấu trúc tinh bột trong sản xuất tinh bột gạo biến tính | Thực phẩm | Nghiên cứu và tạo được dòng enzyme biến đổi cấu trúc tinh bột, ứng dụng enzyme để biến tính tinh bột gạo nhằm nâng cao chất lượng các sản phẩm bánh mềm. | **Dạng I:**  - 02 bài báo đăng trên tạp chí hoặc kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia.  - 02 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus/SCIE.  **Dạng II:**  - Cơ sở dữ liệu genome và thông tin của 04 chủng vi sinh vật sinh enzyme biến đổi cấu trúc tinh bột (< 200 contigs/genome; độ hoàn thiện ≥ 90%, độ sâu giải trình tự ≥100 x).  - Dữ liệu đặc tính của 04 enzyme (hoạt độ ≥ 50% so với enzyme thương mại), kèm đề xuất ứng dụng.  - Quy trình công nghệ sản xuất tinh bột biến tính từ gạo bằng enzyme, quy mô 30 kg nguyên liệu/mẻ, hiệu suất thu hồi ≥70%.  - Quy trình ứng dụng tinh bột gạo biến tính trong sản xuất bánh mềm (sử dụng bột gạo và tinh bột gạo), quy mô 20 kg nguyên liệu/mẻ.  - Tiêu chuẩn cơ sở: Tinh bột gạo biến tính; sản phẩm bánh mềm.  **Dạng III:**  - 04 chủng vi sinh vật có khả năng sinh enzyme biến đổi cấu trúc tinh bột, được định danh đến loài, có hồ sơ nguồn gốc, hoạt tính enzyme.  - 04 chủng tái tổ hợp sinh enzyme biến đổi cấu trúc tinh bột, hoạt độ tăng ≥30% so với chủng gốc, kèm hồ sơ chủng.  - 200 kg tinh bột gạo biến tính: độ ẩm ≤12%, chỉ số DE≤5%, độ hòa tan ≥ 20% so với tinh bột chưa biến tính, đạt TCCS, có hàm lượng amylose ≤ 20%, đảm bảo an toàn thực phẩm.  - 50 kg bánh (có sử dụng tinh bột gạo biến tính): giảm độ tách nước ≥ 20% so với mẫu đối chứng, đạt TCCS và an toàn thực phẩm.  **Dạng IV:** 01 GPHI/Sáng chế được chấp nhận đơn hợp lệ. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn, đề xuất chỉ tiêu chất lượng và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đồ uống lên men không cồn | Thực phẩm | Xác định được các chỉ tiêu chất lượng và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đồ uống lên men không cồn nhằm phục vụ công tác quản lý sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường | **Dạng II:**  - Báo cáo đánh giá thực trạng tình hình sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu sản phẩm đồ uống lên men không cồn.  - Báo cáo thực trạng tiêu chuẩn hóa trong nước và nước ngoài (một số nước tiêu biểu) đối với sản phẩm đồ uống lên men không cồn.  - Báo cáo xây dựng và đề xuất bộ chỉ tiêu chất lượng và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đồ uống lên men không cồn. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu phát triển và hoàn thiện công nghệ lên men vi sinh vật sản xuất sản phẩm cà phê đặc sản Việt Nam | Thực phẩm | Nghiên cứu phát triển và hoàn thiện quy trình công nghệ lên men vi sinh vật nhằm tạo ra sản phẩm cà phê đặc sản chất lượng cao nhằm nâng cao giá trị gia tăng của cà phê Việt Nam. | **Dạng I:**  - 01 bài báo gửi tạp chí quốc tế (chấp nhận đăng).  - 01 bài đăng tạp chí chuyên ngành trong nước có uy tín (chấp nhận đăng).  **Dạng II:**  - 01 quy trình công nghệ lên men cà phê bằng vi sinh vật được hoàn thiện ở quy mô pilot 50 kg cà phê nhân tươi/mẻ.  - 01 mô hình thiết bị lên men cà phê pilot có kiểm soát (gồm bồn lên men có kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm, thông khí, bồn phối trộn chủng, hệ thống sấy và thiết bị theo dõi pH, TDS).  - 01 bộ báo cáo phân tích cảm quan (≥ 10 chuyên gia chấm điểm), hồ sơ đánh giá chất lượng, và báo cáo thử nghiệm thị trường với ≥ 50 người tiêu dùng.  - 01 sản phẩm thực nghiệm cà phê đặc sản lên men vi sinh vật được giới thiệu tại cửa cửa hàng/doanh nghiệp kinh doanh cà phê đặc sản.  - 01 báo cáo phân tích hiệu quả kinh tế – xã hội – môi trường, so sánh mô hình cà phê lên men vi sinh vật với phương pháp truyền thống.  - 01 bộ tài liệu công nghệ, bao gồm quy trình công nghệ, hướng dẫn kỹ thuật, tiêu chí chất lượng, tiêu chuẩn cảm quan, SOP vận hành thiết bị lên men.  - Tiêu chuẩn cơ sở: Chế phẩm vi sinh vật dạng bột/lỏng có khả năng lên men tạo hương và cải thiện chất lượng cà phê (nâng độ ngọt, độ chua sáng và độ tròn vị); hạt cà phê đặc sản lên men sử dụng vi sinh vật được tuyển chọn, có hồ sơ cảm quan, hồ sơ hợp chất thơm GC-MS và đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm cấp cơ sở.  **Dạng III:**  - 03 chủng vi sinh vật bản địa (nấm men và vi khuẩn) an toàn, có tiềm năng tạo hương, axit hữu cơ và cải thiện chất lượng cảm quan cà phê, được định danh đến cấp loài bằng kỹ thuật sinh học phân tử (giải trình tự gen 16S rRNA/ITS và giải trình tự toàn bộ hệ gen).  - 50 kg chế phẩm vi sinh vật dạng bột/lỏng có khả năng lên men tạo hương và cải thiện chất lượng cà phê (nâng độ ngọt, độ chua sáng và độ tròn vị).  - 100 kg hạt cà phê đặc sản lên men sử dụng vi sinh vật được tuyển chọn, có hồ sơ cảm quan, hồ sơ hợp chất thơm GC-MS và đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm cấp cơ sở.  **Dạng IV:** 01 đơn đăng ký sáng chế hoặc giải pháp hữu ích (chấp nhận đơn hợp lệ) liên quan đến quy trình công nghệ lên men hoặc chế phẩm vi sinh vật tạo hương đặc trưng cho cà phê. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu phương pháp xác định methanol trong rượu bằng công nghệ in dấu phân tử (Molecularly imprinted polymers - MIPs) | Thực phẩm | Nghiên cứu và xây dựng phương pháp xác định methanol trong rượu dựa trên công nghệ in dấu phân tử, hướng đến ứng dụng trong kiểm soát chất lượng rượu và an toàn thực phẩm. | **Dạng I:** 01 Báo cáo khoa học công bố trên tạp chí khoa học quốc tế (xếp hạng Q theo Scimago).  **Dạng II:**  **-** 01Quy trình chế tạo vật liệu MIPs ở cấu trúc nano (kích thước < 50 nm), quy mô 50 ống thử MIPs (5mg) / mẻ.  - 01 Quy trình phân tích chuẩn (SOP) xác định methanol trong các loại rượu thương phẩm (SOP đơn giản, có thể được sử dụng bởi người không chuyên, thời gian thực hiện nhanh, có thể thực hiện tại chỗ bên ngoài Phòng thí nghiệm, kết hợp MIPs, hệ tạo màu và mẫu phân tích).  - 01 Báo cáo đánh giá xác nhận giá trị sử dụng phương pháp thử.  - 01 báo cáo thử nghiệm khả năng xác định methanol trên mẫu rượu thương phẩm.  - Tiêu chuẩn cơ sở: ống thử vật liệu MIPs (5mg) ở cấu trúc nano (kích thước < 50 nm, có tính siêu thuận từ với độ từ hóa bão hòa xấp xỉ 40 emu/g). Có khả năng nhận diện chọn lọc methanol (trong nền mẫu có chứa các chất: ethanol, glycerol, glucose, lactic acid, formaldehyde, SO2, K+) và độ nhạy cao (LOD ≤ 0,01 % v/v).  **Dạng III:** 100 ống thử vật liệu MIPs (5mg) ở cấu trúc nano (kích thước < 50 nm, có tính siêu thuận từ với độ từ hóa bão hòa xấp xỉ 40 emu/g). Có khả năng nhận diện chọn lọc methanol (trong nền mẫu có chứa các chất: ethanol, glycerol, glucose, lactic acid, formaldehyde, SO2, K+) và độ nhạy cao (LOD ≤ 0,01 % v/v). | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu thiết kế ứng dụng số hóa (phần mềm và dữ liệu) về phân tích thông tin xuất, nhập khẩu hàng hóa, phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và doanh nghiệp | Thương mại | Nghiên cứu thiết kế ứng dụng số hóa (phần mềm và dữ liệu) về phân tích thông tin xuất, nhập khẩu hàng hóa, phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và doanh nghiệp từ thông tin trong cơ sở dữ liệu. | **Dạng I:**  - Bài đăng báo trên tạp chí chuyên ngành.  **Dạng II:**  - Báo cáo phân tích cách hiển thị thông tin trực quan tình hình xuất, nhập khẩu hàng hóa; nội dung thông tin trong báo cáo phân tích (nguyên nhân tăng/giảm, xu hướng, tỷ trọng, bảng, biểu đồ,...) từ dữ liệu thống kê xuất, nhập khẩu hàng hóa.  - Báo cáo phân tích các phương thức tính toán và xử lý thông tin.  - Phần mềm thực hiện phân tích dữ liệu, tạo báo cáo (có lời phân tích, bảng, biểu đồ,...) từ dữ liệu thống kê xuất, nhập khẩu nhóm hàng có chi tiết tới thị trường theo tháng. Phần mềm này được tích hợp lên Cơ sở dữ liệu Kinh tế Công nghiệp và Thương mại của Bộ Công Thương để sử dụng sau khi nghiệm thu nhiệm vụ.  - Báo cáo tổng hợp. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại trong chuỗi cung ứng gỗ xuất khẩu sang Hoa Kỳ và đề xuất giải pháp | Thương mại | Đề xuất giải pháp giúp doanh nghiệp, hiệp hội, ngành hàng, cơ quan quản lý nhà nước phòng tránh, kiểm soát và giảm thiểu hành vi lẩn tránh các biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng gỗ xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ. | **Dạng I:**  - Bài đăng báo trên tạp chí chuyên ngành.  - Sổ tay hướng dẫn doanh nghiệp hạn chế rủi ro bị điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với mặt hàng gỗ xuất khẩu sang Hoa Kỳ.  **Dạng II:**  - Báo cáo tổng quan biện pháp phòng vệ thương mại và hành vi lẩn tránh các biện pháp này ở thị trường Hoa Kỳ nói chung và trong ngành gỗ nói riêng. Nhận diện các quy định mới trong điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp ở Hoa Kỳ.  - Báo cáo phân tích thực trạng chuỗi sản xuất, chế biến, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong thời gian gần đây, đặc biệt là cấu trúc chuỗi cung ứng và các yếu tố làm phát sinh nguy cơ lẩn tránh các biện pháp phòng vệ thương mại theo quy định và thực tiễn áp dụng của Hoa Kỳ.  - Báo cáo phân tích nhận định bối cảnh, xu hướng điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại ở Hoa Kỳ trong thời gian tới, cũng như triển vọng và các nguy cơ bị kiện chống lẩn tránh của ngành gỗ Việt Nam ở thị trường này.  - Báo cáo tổng hợp. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực của doanh nghiệp Việt Nam ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ | Thương mại | Đề xuất các giải pháp đối với các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng và các cơ quan quản lý nhà nước nhằm nâng cao năng lực ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ. | **Dạng I:**  - Bài đăng báo trên tạp chí chuyên ngành.  **-** Sổ tay hướng dẫn doanh nghiệp hạn chế rủi ro bị điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số ngành hàng khi xuất khẩu sang Hoa Kỳ **D**  **Dạng II:**  - Báo cáo tổng quan về các biện pháp phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ và các vụ kiện liên quan đến Việt Nam.  **- Báo cáo** phân tích và đánh giá năng lực của doanh nghiệp Việt Nam trong ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ.  **- Báo cáo** đề xuất các giải pháp đối với các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng và các cơ quan quản lý nhà nước nhằm nâng cao năng lực ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ.  - Báo cáo tổng hợp. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu ảnh hưởng thuế đối ứng của Hoa Kỳ đến xuất nhập khẩu hàng hoá và giải pháp cho Việt Nam | Thương mại | Nghiên cứu về ảnh hưởng của thuế đối ứng do Hoa Kỳ áp đặt đến xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam và đề xuất các giải pháp đảm bảo xuất nhập khẩu bền vững | **Dạng I:**  - Bài đăng báo trên tạp chí chuyên ngành.  **Dạng II:**  - Báo cáo tổng quan về thuế đối ứng và ảnh hưởng của thuế đối ứng đến xuất, nhập khẩu hàng hoá.  - Báo cáo đánh giá thực trạng ảnh hưởng của thuế đối ứng Hoa Kỳ đến xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam.  - Báo cáo đề xuất giải pháp khắc phục và ứng phó với ảnh hưởng từ thuế đối ứng của Hoa Kỳ.  - Báo cáo tổng hợp. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu đánh giá phát triển ngành Công Thương sau 40 năm đổi mới và đề xuất định hướng phát triển đến năm 2045 | Thương mại | Nghiên cứu, đánh giá được sự phát triển của ngành Công Thương sau 40 năm thực hiện công cuộc Đổi mới của đất nước, bao gồm: sản xuất công nghiệp, hoạt động thương mại trong nước và xuất khẩu. Trên cơ sở đó, đề xuất, định hướng phát triển Ngành đến năm 2045 | **Dạng I:**  - Bài đăng báo trên tạp chí chuyên ngành.  - Dự thảo đề cương cuốn sách về “Thành tựu ngành Công Thương sau 40 năm Đổi mới (1986-2025)”  **Dạng II:**  **-** Báo cáo nghiên cứu, đánh giá thực trạng phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại trong nước và xuất nhập khẩu của nước ta trong giai đoạn 1986-2025;  - Báo cáo đánh giá được những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm đối với phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại trong nước và xuất nhập khẩu của nước ta trong giai đoạn 1986-2025;  - Báo cáo đề xuất định hướng phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại trong nước và xuất nhập khẩu của nước ta đến năm 2045.  - Báo cáo tổng hợp. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu đề xuất giải pháp thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm Halal của Việt Nam sang thị trường khu vực Trung Đông đến năm 2035 | Thương mại | Đề xuất giải pháp thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm Halal của Việt Nam sang thị trường khu vực Trung Đông đến năm 2035. | **Dạng I:**  - Bài đăng báo trên tạp chí chuyên ngành.  - Cẩm nang hướng dẫn doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm Halal của Việt Nam sang thị trường Khu vực Trung Đông.  **Dạng II:**  - Báo cáo tổng quan về thị trường và sản phẩm Halal, quy định, yêu cầu để thâm nhập vào thị trường Halal; kinh nghiệm quốc tế về thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm Halal.  - Báo cáo đánh giá thực trạng xuất khẩu các sản phẩm Halal của Việt Nam sang thị trường khu vực Trung đông;  - Báo cáo đề xuất giải pháp thúc đẩy xuất khẩu thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm Halal của Việt Nam sang thị trường khu vực Trung Đông đến năm 2035.  - Báo cáo tổng hợp. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu, đề xuất bộ chỉ số năng lực cạnh tranh quốc tế của ngành công nghiệp Việt Nam | Thương mại | - Nghiên cứu, đề xuất và sử dụng bộ chỉ số để đánh giá năng lực cạnh tranh quốc tế của toàn ngành công nghiệp Việt Nam và một số phân ngành công nghiệp.  - Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh ngành công nghiệp Việt Nam, thực hiện mục tiêu đến 2030, Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN về năng lực cạnh tranh công nghiệp (theo Nghị quyết số 29-NQ/TW về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước). | **Dạng I:**  - Bài đăng báo trên tạp chí chuyên ngành.  **Dạng II:**  - Báo cáo tổng quan về các bộ chỉ số năng lực cạnh tranh ngành công nghiệp của quốc tế (bộ chỉ số CIP, bộ công cụ EQuIP, các cơ sở dữ liệu quốc tế).  - Báo cáo đề xuất bộ chỉ số năng lực cạnh tranh quốc tế của toàn ngành công nghiệp và một số phân ngành công nghiệp Việt Nam (Tài liệu hướng dẫn).  - Báo cáo đánh giá năng lực cạnh tranh quốc tế của ngành công nghiệp Việt Nam và một số phân ngành công nghiệp theo bộ chỉ số đề xuất .  - Báo cáo đề xuất giải pháp năng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2030.  - Dự thảo hướng dẫn về bộ chỉ số năng lực cạnh tranh quốc tế của ngành công nghiệp (toàn ngành công nghiệp và các phân ngành công nghiệp).  - Báo cáo tổng hợp. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển chuỗi logistics giữa Việt Nam và Trung Quốc trong bối cảnh mới | Thương mại | Nghiên cứu và đề xuất giải pháp phát triển chuỗi logistics giữa Việt Nam và Trung Quốc trong bối cảnh mới. | **Dạng I:**  - Bài đăng báo trên tạp chí chuyên ngành.  **Dạng II:**  - Hệ thống hóa cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phát triển chuỗi logistics xuyên biên giới.  - Báo cáo đánh giá thực trạng chuỗi logistics giữa Việt Nam và Trung Quốc.  - Báo cáo đánh giá tác động của bối cảnh mới đến phát triển chuỗi logistics giữa Việt Nam và Trung Quốc.  - Báo cáo đề xuất các giải pháp phát triển chuỗi logistics giữa Việt Nam và Trung Quốc trong bối cảnh mới (trong đó có Báo cáo kiến nghị Bộ Công Thương xem xét, ban hành chính sách và giải pháp phát triển chuỗi logistics giữa Việt Nam và Trung Quốc trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, thương mại điện tử...).  - Báo cáo tổng hợp. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Đề xuất giải pháp áp dụng chuyển đổi số nhằm phát triển thương mại tại các Đặc khu của Việt Nam theo hướng tự do hóa | Thương mại | Nghiên cứu, đề xuất giải pháp áp dụng chuyển đổi số nhằm phát triển thương mại tại các Đặc khu của Việt Nam theo hướng tự do hóa. | **Dạng I:**  Có ít nhất 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành về các chủ đề liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu để lan tỏa tri thức khoa học, nghiên cứu.  **Dạng II:**  - 01 báo cáo tổng hợp nhiệm vụ:  + Trình bày toàn diện quá trình nghiên cứu, phương pháp tiếp cận, các số liệu phân tích, đánh giá hiện trạng, tiềm năng và bối cảnh chuyển đổi số trong phát triển thương mại tại các đặc khu 🡪 là cơ sở khoa học và thực tiễn để tham mưu, kiến nghị chính sách cho các cơ quan quản lý nhà nước, góp phần định hướng chiến lược phát triển đặc khu theo hướng hiện đại và hội nhập.  - Báo cáo tóm tắt nhiệm vụ: tập trung vào các kết quả chính, khuyến nghị và giải pháp ưu tiên, phục vụ trình bày, báo cáo và thông tin.  - Các báo cáo chuyên đề chuyên sâu theo nội dung nghiên cứu gồm: (i) báo cáo cơ sở lý luận và thực tiễn áp dụng chuyển đổi số nhằm phát triển thương mại tại các đặc khu của Việt Nam theo hướng tự do hóa; (ii) báo cáo phân tích tiềm năng phát triển thương mại tại các đặc khu; (iii) đề xuất giải pháp áp dụng chuyển đổi số nhằm phát triển thương mại tại các đặc khu theo hướng tự do hóa, tăng tính cạnh tranh và hấp dẫn thu hút đầu tư.  - Báo cáo thu thập dữ liệu khảo sát thực tiễn:  + Thu thập, xử lý và phân tích số liệu từ các đặc khu/khu kinh tế trọng điểm;  + Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu, bảng biểu, hình vẽ minh họa phục vụ nghiên cứu; làm tài liệu tham chiếu cho cơ quan quản lý và doanh nghiệp. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý chợ và trung tâm thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam | Thương mại | Phân tích và nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý chợ và trung tâm thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam | **Dạng I:**  01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành về chủ đề liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu.  **Dạng II:**  - Báo cáo tổng quan về chuyển đổi số trong quản lý chợ và trung tâm thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam;  - Báo cáo Thực trạng ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý chợ và trung tâm thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam, bao gồm quy định pháp luật, thực tiễn điều tra, kết luận cuối cùng và bài học kinh nghiệm;  - Báo cáo đề xuất một số giải pháp thúc đẩy ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý chợ và trung tâm thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu, đề xuất giải pháp đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong các doanh nghiệp phân phối bán lẻ giai đoạn 2026-2030 | Chính sách | Đề xuất giải pháp đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong các doanh nghiệp phân phối bán lẻ tại Việt Nam | **Dạng I**  01 bài báo đăng trên trang thông tin khoa học và công nghệ của Bộ hoặc tạp chí khoa học và công nghệ chuyên ngành.  **Dạng II**  1. Báo cáo thực trạng áp dụng công nghệ số trong hoạt động bán hàng của các doanh nghiệp phân phối bán lẻ tại Việt Nam.  2. Báo cáo đề xuất giải pháp nhằm đẩy mạnh ứng dụng chuyển đối số trong hoạt động bán hàng của các doanh nghiệp phân phối tại Việt Nam.  3. Báo cáo tổng kết nhiệm vụ | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Giải pháp phát triển và quản lý chợ theo hướng chuyển đổi số | Chính sách | Đề xuất giải pháp phát triển và quản lý chợ theo hướng chuyển đổi số. | **Dạng I**  01 bài báo đăng trên trang thông tin khoa học và công nghệ của Bộ hoặc tạp chí khoa học và công nghệ chuyên ngành.  **Dạng II**  1. Báo cáo thực trạng phát triển và quản lý chợ tại Việt Nam hiện nay.  2. Báo cáo đề xuất giải pháp phát triển và quản lý chợ theo hướng chuyển đổi số.  3. Báo cáo tổng kết nhiệm vụ | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu, đề xuất mô hình cơ quan giám sát, quản lý hoạt động Sở giao dịch hàng hóa tại Việt Nam | Chính sách | Nghiên cứu, đề xuất mô hình cơ quan quản lý, giám sát hoạt động Sở giao dịch hàng hóa | **Dạng I**  01 bài báo đăng trên trang thông tin khoa học và công nghệ của Bộ hoặc tạp chí khoa học và công nghệ chuyên ngành.  **Dạng II**  1. Báo cáo thực trạng hoạt động và quản lý lĩnh vực Sở giao dịch hàng hóa tại Việt Nam thời gian qua.  2. Báo cáo nghiên cứu kinh nghiệm tổ chức mô hình giám sát thị trường giao dịch hàng hóa của một số quốc gia; rút ra bài học tham khảo phù hợp với điều kiện Việt Nam.  3. Báo cáo đề xuất mô hình cơ quan quản lý, giám sát hoạt động Sở giao dịch hàng hóa tại Việt Nam.  4. Báo cáo tổng kết nhiệm vụ. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu đề xuất giải pháp phòng chống các hành vi gian lận thương mại trên môi trường thương mại điện tử | Chính sách | **Mục tiêu tổng quát:**  Đề xuất một số giải pháp tăng cường phòng chống các hành vi gian lận thương mại trên môi trường thương mại điện tử ở Việt Nam.  **Các mục tiêu cụ thể:**  - Khái quát chung về phòng chống các hành vi gian lận thương mại trên môi trường thương mại điện tử; kinh nghiệm phòng chống các hành vi gian lận thương mại trên môi trường thương mại điện tử của một số nước, bài học rút ra cho Việt Nam.  - Phân tích, đánh giá thực trạng các hành vi gian lận thương mại trên môi trường thương mại điện tử; chính sách, biện pháp phòng chống các hành vi gian lận thương mại trên môi trường thương mại điện tử ở Việt Nam; đánh giá chung về kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân.  - Xây dựng quan điểm, mục tiêu, định hướng tăng cường phòng chống các hành vi gian lận thương mại trên môi trường thương mại điện tử ở Việt Nam.  - Đề xuất một số giải pháp tăng cường phòng chống các hành vi gian lận thương mại trên môi trường thương mại điện tử ở Việt Nam; kiến nghị đối với Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương. | **Dạng I:**  - 01 cuốn sách tham khảo;  - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành về chủ đề liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu;  **Dạng II:**  - 01 Báo cáo tổng hợp  - 01 Báo cáo đánh giá thực trạng các hành vi gian lận thương mại trên môi trường thương mại điện tử;  - 01 Báo cáo đề xuất giải pháp tăng cường phòng chống các hành vi gian lận thương mại trên môi trường thương mại điện tử ở Việt Nam. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm tăng cường quản lý Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh qua internet trong nước thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn 2040 | Chính sách | **Mục tiêu tổng quát:**  Làm rõ thực trạng qua đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm tăng cường quản lý Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh qua internet trong nước thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn 2040.  **Mục tiêu cụ thể:**  - Phân tích một số vấn đề lý luận, kinh nghiệm quốc tế và các bài học cho Việt Nam.  - Đánh giá thực trạng về quản lý Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh qua internet trong nước  - Phân tích bối cảnh trong nước và quốc tế ảnh hưởng đến quản lý Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh qua internet trong nước thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn 2040 của Bộ Công Thương.  - Xây dựng quan điểm, định hướng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm tăng cường quản lý Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh qua internet trong nước thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn 2040. | **Dạng I:**  - 01 cuốn sách tham khảo;  - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành về chủ đề liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu;  **Dạng II:**  - 01 Báo cáo tổng hợp  - 01 Báo cáo đánh giá thực trạng quản lý các hoạt động kinh doanh qua internet tại Việt Nam giai đoạn 2020 - 2025  - 01 Báo cáo đề xuất giải pháp nhằm tăng cường quản lý Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh qua internet trong nước thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn 2040. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số và kỹ thuật tiên tiến nhằm truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm do Bộ Công Thương quản lý; đề xuất các giải pháp phòng chống gian lận xuất xứ hàng hóa lưu thông trên thị trường nội địa | Chính sách | Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số và các kỹ thuật tiên tiến nhằm xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc đáng tin cậy đối với sản phẩm rượu, thuốc lá; từ đó đề xuất và triển khai các giải pháp khả thi, hiệu quả trong phòng chống gian lận xuất xứ hàng hóa lưu thông trên thị trường nội địa, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. | **Dạng II:**  - Báo cáo nghiên cứu, đánh giá thực trạng về công tác truy xuất nguồn gốc và tình hình gian lận xuất xứ hàng hóa trong lĩnh vực rượu, thuốc lá (có số liệu, minh chứng cụ thể).  - Bộ giải pháp công nghệ số, kỹ thuật tiên tiến phù hợp với điều kiện Việt Nam để ứng dụng trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm rượu, thuốc lá (có phân tích so sánh, lựa chọn công nghệ).  - Mô hình hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm rượu, thuốc lá; có khả năng tích hợp, kết nối dữ liệu và cho phép người tiêu dùng tra cứu thông tin trực tuyến.  - Kiến nghị, đề xuất chính sách nhằm hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế phối hợp và lộ trình áp dụng công nghệ trong quản lý xuất xứ hàng hóa. | Tuyển chọn | Đề tài |
|  | Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy sàng rung dao động theo phương ngang áp dụng trong dây chuyền chế biến khoáng sản | Cơ khí | - Làm chủ thiết kế, công nghệ chế tạo máy sàng rung dao động theo phương ngang áp dụng trong dây chuyền chế biến khoáng sản.  - Chế tạo 01 máy sàng rung dao động theo phương ngang và áp dụng thành công trong một dây chuyền chế biến khoáng sản cụ thể. | **Dạng I:** 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí chuyên ngành.  **Dạng II:**  - Bộ thuyết minh, tính toán thiết kế sản phẩm;  - Bộ bản vẽ thiết kế chế tạo sản phẩm;  - Quy trình công nghệ chế tạo sản phẩm;  - Bộ tài liệu hướng dẫn lắp đặt, vận hành sản phẩm;  - Báo cáo thử nghiệm sản phẩm (tại nơi chế tạo và tại dây chuyển chế biến khoáng sản).  **Dạng III:**  01 máy sàng rung dao động theo phương ngang và áp dụng thành công trong một dây chuyền chế biến khoáng sản cụ thể, đáp ứng các thông số kỹ thuật như sau:  - Năng suất sàng: 250 ÷ 350 tấn/h;  - Kích thước lưới sàng:  + Dài: 4.000 ÷ 5.000 mm;  + Rộng: 1.500 mm ÷ 2.000 mm;  - Có 02 tầng lưới:  + Lưới trên kích thước 40 x 40 mm;  + Lưới dưới kích thước 15x15 mm;  - Biên độ rung:  + Theo phương đứng: 4 ÷ 8 mm;  + Theo phương ngang: 8 ÷ 12 mm;  - Cỡ hạt đầu vào lớn nhất: 150 mm;  - Thông số động cơ:  + Công suất: 30 ÷ 55 kW;  + Tốc độ quay: 700 ÷ 1.000 vòng/ph. | Tuyển chọn | Đề tài |